

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 461 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án phát triển 15.000 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị quyết số 32/2016/QH14 ngày 23 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Hợp tác xã; Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 32/2016/QH14 ngày 23 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án phát triển 15.000 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020 (gọi tắt là Đề án), với các nội dung sau đây:

I. MỤC TIÊU

Đến năm 2020 đạt được mục tiêu 15.000 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp có hiệu quả cần tập trung thực hiện:

1. Đối với hợp tác xã:

a) Duy trì, củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của khoảng 4.400 hợp tác xã nông nghiệp đã được phân loại và đánh giá là có hiệu quả năm 2017. Thực hiện việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao để có trên 1.500 hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp;

b) Nâng cao chất lượng hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp yếu, kém để phấn đấu có trên 5.400 hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả (trong tổng số hơn 6.400 hợp tác xã nông nghiệp yếu kém hiện nay);

c) Thành lập mới và tạo điều kiện cho 5.200 hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả.

2. Đối với liên hiệp hợp tác xã:

Xây dựng các mô hình điểm về liên hiệp hợp tác xã. Phấn đấu có trên 50 liên hiệp hợp tác xã hoạt động hiệu quả.

II. NHIỆM VỤ

1. Cùng cố nâng cao hiệu quả các hợp tác xã nông nghiệp

a) Duy trì, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp đã được đánh giá là có hiệu quả: Tập trung chỉ đạo rà soát các hợp tác xã nhằm nâng cao chất lượng phương án sản xuất kinh doanh; tiếp cận với các nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước và nguồn vốn vay tín dụng; đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ quản trị, sản xuất (trong đó có thí điểm đưa cán bộ về hợp tác xã và đưa đi đào tạo tại nước ngoài); tăng cường liên kết với các doanh nghiệp để tiêu thụ sản phẩm.

b) Tập trung triển khai các mô hình hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp: Triển khai mạnh việc xây dựng các mô hình hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp. Xác định sản phẩm ứng dụng công nghệ cao theo Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể khu và vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 17 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020; Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư và hỗ trợ theo cơ chế, chính sách được quy định tại các Quyết định hiện hành, trên cơ sở đó lựa chọn các hợp tác xã hoạt động có hiệu quả để hỗ trợ tham gia ứng dụng công nghệ cao, phấn đấu đến năm 2020 có trên 1.500 hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp.

c) Nâng cao chất lượng hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp yếu, kém để đạt tiêu chí có hiệu quả: Tập trung chỉ đạo giúp các hợp tác xã xây dựng phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả; tích cực giải quyết khó khăn để giúp các hợp tác xã tiếp cận được với các nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước và nguồn vốn vay tín dụng; đẩy mạnh việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản trị, sản xuất (trong đó có thí điểm đưa cán bộ về hợp tác xã); chỉ đạo quyết liệt để phát triển các mối liên kết giữa hợp tác xã với doanh nghiệp để đầu tư sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

2. Xử lý dứt điểm việc giải thể, chuyển đổi sang loại hình khác đối với các hợp tác xã đã ngừng hoạt động

Lựa chọn những nơi thực hiện có hiệu quả việc giải thể hợp tác xã đã ngừng hoạt động để tập trung đánh giá phương pháp, cách làm, từ đó chỉ đạo các địa phương nghiên cứu vận dụng. Năm 2018, giải thể xong các hợp tác xã đã ngừng hoạt động.

3. Thành lập mới và tạo điều kiện cho các hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả

a) Lựa chọn các ngành hàng chủ lực của quốc gia và địa phương để thúc đẩy việc thành lập hợp tác xã chuyên ngành nhằm tổ chức lại sản xuất trong từng ngành hàng: Lĩnh vực trồng trọt tập trung vào sản xuất lúa gạo chất lượng cao ở Đồng bằng sông Cửu Long và các khu vực có điều kiện khác; cây công nghiệp ở 25 tỉnh trồng mía đường, 10 tỉnh trồng cà phê, 28 tỉnh trồng chè và một số tỉnh trồng điều, hồ tiêu; 40 tỉnh có diện tích trồng cây ăn quả lớn; cây rau ở những vùng chuyên canh. Phát triển hợp tác xã chăn nuôi đại gia súc (thịt, sữa) ở các tỉnh có đầu đàn gia súc lớn, hợp tác xã chăn nuôi lợn, gia cầm (thịt, trứng) ở các tỉnh có đầu đàn lớn, hợp tác xã nuôi trồng thủy sản ở các vùng sản xuất tập trung; đánh bắt thủy sản ở 28 tỉnh có hoạt động khai thác; lâm nghiệp ở các tỉnh có rừng; diêm nghiệp ở 21 tỉnh có hoạt động sản xuất muối.

b) Phát triển hợp tác xã với sản phẩm đặc trưng làng, xã theo lợi thế của các vùng miền: Các tỉnh lựa chọn những sản phẩm đặc thù cho làng xã ở các vùng miền có giá trị như lâm sản, dược liệu, các sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi chất lượng cao ở khu vực miền núi; các loại rau, quả ở khu vực đồng bằng để xây dựng quy hoạch và cơ chế, chính sách để hỗ trợ phát triển. Trên cơ sở đó củng cố các hợp tác xã đã có và vận động thành lập các hợp tác xã mới.

4. Phát triển liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp

Trên cơ sở đánh giá hoạt động của liên hiệp hợp tác xã có hiệu quả để có giải pháp củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động các liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hiện có; đồng thời thành lập thêm trên 20 liên hiệp hợp tác xã ở một số lĩnh vực và duy trì hoạt động có hiệu quả trong giai đoạn 2018-2020 gắn với sản phẩm chủ lực của địa phương. Lựa chọn một số hợp tác xã có cùng loại hình sản xuất hoặc các hợp tác xã có loại hình sản xuất khác nhau nhưng hỗ trợ có hiệu quả cho nhau trong quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm như: hợp tác xã sản xuất; hợp tác xã dịch vụ đầu vào, đầu ra để hướng dẫn, vận động và giúp đỡ thành lập liên hiệp hợp tác xã theo luật. Phần đầu mỗi tỉnh có sản xuất nông sản hàng hóa phát triển có ít nhất 01 liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp.

III. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về đổi mới, phát triển hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã đối với hệ thống cán bộ trong bộ máy quản lý nhà nước và toàn xã hội nhằm thúc đẩy mạnh mẽ phát triển hợp tác xã nông

ngành có hiệu quả trong thời gian tới với nội dung và phương thức tuyên truyền phù hợp với từng đối tượng. Chú trọng thực hiện tốt công tác truyền thông gắn với thi đua khen thưởng trong thực hiện mục tiêu phát triển 15.000 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020.

2. Hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách đối với hợp tác xã nông nghiệp

a) Về thể chế: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư hướng dẫn về trách nhiệm quản lý nhà nước đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp. Trên cơ sở đó kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy và đổi mới phương thức hoạt động quản lý nhà nước về hợp tác xã nông nghiệp từ Trung ương đến các cấp địa phương để hoạt động có hiệu quả.

b) Về cơ chế, chính sách: Tiếp tục rà soát, sửa đổi cơ chế, chính sách đã ban hành; bổ sung để hoàn thiện cơ chế chính sách hỗ trợ hợp tác xã và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Tạo sự đột phá mạnh mẽ về cơ chế chính sách để thu hút các doanh nghiệp lớn làm đầu tàu tham gia liên kết cùng hợp tác xã tổ chức sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến chế biến, bảo quản, tiêu thụ nông sản trên các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp nhằm tạo động lực mới để chuyển đổi hoàn toàn hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp kiểu cũ; củng cố, duy trì, phát triển hợp tác xã kiểu mới với các phương thức, quy mô hoạt động, mô hình tổ chức phù hợp gắn với trình độ phát triển của các trục ngành hàng lớn theo các cấp độ sản phẩm trong tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên các vùng, miền sinh thái của cả nước.

3. Đổi mới phương thức hoạt động theo hướng tăng cường công tác phối hợp giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với các Bộ, ngành Trung ương, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và chính quyền địa phương để lãnh đạo, chỉ đạo sát sao công tác phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp theo ngành dọc được xuyên suốt, hiệu lực, hiệu quả. Rà soát, đánh giá kỹ, đầy đủ, sâu sắc các nhóm mô hình hợp tác xã để có các giải pháp phù hợp, đặc biệt trong công tác quản trị, định hướng phát triển và tổ chức hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp đảm bảo hiệu quả, bền vững. Chú trọng vấn đề tổ chức, nhân sự để chọn được người đứng đầu các cấp trong hệ thống tổ chức bộ máy quản lý nhà nước đối với hợp tác xã và người đứng đầu hợp tác xã có tâm huyết, ý chí vươn lên, tự giác, khát vọng khởi nghiệp.

4. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý nhà nước và hợp tác xã, trong đó đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý hợp tác xã, thành viên, người sáng lập khởi nghiệp các hợp tác xã nhằm trang bị kiến thức đảm bảo các hợp tác xã hoạt động có hiệu quả.

5. Xây dựng các dự án, kế hoạch ưu tiên để phát triển các hợp tác xã:

a) Hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và tiêu thụ nông sản;

b) Liên kết sản xuất và tiêu thụ giữa hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp với các doanh nghiệp;

c) Tổ chức lại, tái cơ cấu các hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả thấp ở khu vực Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ;

d) Thành lập và tổ chức hoạt động của định chế tài chính.

6. Huy động nguồn lực để hỗ trợ có hiệu quả cho hợp tác xã nông nghiệp. Nguồn kinh phí hỗ trợ của Nhà nước theo chính sách được huy động từ: Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tại Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ; Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế và phòng chống giảm nhẹ thiên tai và ổn định đời sống dân cư theo Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ; Chương trình khuyến nông quốc gia hỗ trợ cho đào tạo và ứng dụng công nghệ cao; nguồn thủy lợi phí của nhà nước dành cho các hợp tác xã tham gia hoạt động quản lý, khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng theo quy định của Luật Thủy lợi; nguồn hỗ trợ cho hợp tác xã từ các chính sách hỗ trợ trồng và bảo vệ rừng, phát triển thủy sản... Huy động các nguồn lực từ các tổ chức quốc tế; nguồn vốn vay từ các Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã, Quỹ Hỗ trợ nông dân, các tổ chức tín dụng; vốn của doanh nghiệp và vốn đối ứng của các hợp tác xã.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Đầu mối hướng dẫn, theo dõi và đôn đốc các địa phương thực hiện các nội dung của Đề án; hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ để đánh giá hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả. Tham mưu trình Chính phủ ban hành các văn bản và ban hành các Thông tư hướng dẫn để tạo điều kiện thực hiện Đề án hiệu quả. Hướng dẫn các địa phương rà soát, điều chỉnh Kế hoạch để thực hiện Đề án này. Lựa chọn một số ngành hàng chủ lực để chỉ đạo xây dựng các chuỗi liên kết giữa các doanh nghiệp đầu tàu với các hợp tác xã. Xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý nhà nước các cấp về hợp tác xã nông nghiệp và đào tạo bồi dưỡng cán bộ hợp tác xã nông nghiệp cả trong nước và nước ngoài. Xây dựng kế hoạch và giao chỉ tiêu thành lập mới hợp tác xã cụ thể cho các địa phương để đảm bảo thành lập 5.200 hợp tác xã. Trực tiếp xây dựng và tổ chức thực hiện các dự án/ kế hoạch ưu tiên về: Hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và tiêu thụ nông sản; liên kết sản xuất và tiêu thụ giữa hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp với các doanh nghiệp. Phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan trình Chính phủ phê duyệt nguồn kinh phí Trung ương và với các địa phương, tổ chức khác để huy động nguồn vốn thực hiện Đề án này. Chủ trì, phối hợp kiểm tra, đánh giá và tổng hợp báo cáo Chính phủ tình hình thực hiện Đề án.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Tiếp tục rà soát, đề xuất hoàn thiện các quy định về hướng dẫn thực hiện Luật Hợp tác xã năm 2012 đảm bảo thuận lợi cho các hợp tác xã thực hiện; xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về hợp tác xã trong đó có hợp tác xã nông nghiệp; đề xuất cơ chế huy động nguồn lực xã hội để hỗ trợ phát triển hợp tác xã nông nghiệp; chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính bố trí, hướng dẫn kinh phí đầu tư trung hạn và hàng năm để tổ chức thực hiện Đề án. Phối hợp kiểm tra việc tổ chức thực hiện Đề án.

3. Bộ Tài chính

Trên cơ sở đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương, hàng năm Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kinh phí thực hiện Đề án; trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn. Hướng dẫn việc sử dụng và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ thực hiện Đề án này. Phối hợp kiểm tra việc tổ chức thực hiện Đề án.

4. Bộ Công Thương

Đầu mối về các chính sách xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường được quy định tại Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Hợp tác xã; chỉ đạo các Sở Công Thương thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường theo thẩm quyền để hỗ trợ hợp tác xã tiêu thụ sản phẩm. Phối hợp kiểm tra việc tổ chức thực hiện Đề án.

5. Ngân hàng Nhà nước

Chỉ đạo các Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh tập trung tháo gỡ khó khăn trong việc tiếp cận vốn cho các hợp tác xã nông nghiệp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các hợp tác xã nông nghiệp tiếp cận được các nguồn vốn tín dụng từ các ngân hàng và các nguồn quỹ tín dụng khác. Đề xuất cơ chế định giá tài sản khi vay vốn và cho phép hợp tác xã được dùng tài sản hình thành trên đất sau khi định giá để thế chấp vay vốn tín dụng. Phối hợp kiểm tra việc tổ chức thực hiện Đề án.

6. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam

Thực hiện tuyên truyền, vận động, tư vấn, hỗ trợ hợp tác xã; tư vấn, hỗ trợ và cung cấp dịch vụ, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ cho việc hình thành và phát triển của hợp tác xã; thực hiện các chương trình, dự án, dịch vụ công được giao và nhiệm vụ ủy thác hỗ trợ phát triển hợp tác xã từ cơ quan quản lý nhà nước. Vận động hợp tác xã tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, nâng cao chất lượng và tăng giá trị sản phẩm nông nghiệp. Ưu tiên nguồn kinh phí cho hợp tác xã nông nghiệp vay từ Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã, đặc biệt là các hợp tác xã tham gia ứng dụng công nghệ cao. Trực tiếp xây dựng và tổ chức thực hiện các dự án, kế hoạch ưu tiên về: Tổ chức lại, tái cơ cấu các hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả thấp ở khu vực Đồng bằng sông Hồng và Bắc

Trung Bộ; thành lập và tổ chức hoạt động của định chế tài chính. Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Đề án; phát hiện, tổng hợp các vấn đề vướng mắc, kiến nghị của các địa phương trong quá trình thực hiện để kiến nghị Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành hướng dẫn tháo gỡ.

7. Hội Nông dân Việt Nam

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền thực hiện Đề án này đối với người nông dân nói chung và các thành viên của hợp tác xã nói riêng. Vận động các chủ trang trại, nông dân sản xuất giỏi là hội viên Hội Nông dân tham gia tích cực vào phong trào phát triển hợp tác xã. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ sản xuất cho thành viên hợp tác xã, các chủ trang trại, nông dân sản xuất giỏi là hội viên của Hội Nông dân. Ưu tiên nguồn kinh phí cho vay từ Quỹ hỗ trợ nông dân để giúp các thành viên hợp tác xã nông nghiệp là hội viên Hội Nông dân phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập. Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Đề án.

8. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội khác

Tăng cường công tác tuyên truyền về hợp tác xã. Phát động những phong trào thi đua đối với hợp tác xã nông nghiệp trong tổ chức hội, đoàn thể. Phối hợp tổ chức xây dựng các mô hình hợp tác xã điển hình; đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, trình độ sản xuất đối với các tổ chức hội viên của mình trong hợp tác xã nông nghiệp. Tập hợp các hội viên, đoàn viên có khả năng sáng lập hợp tác xã để vận động thành lập các hợp tác xã nông nghiệp. Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước thanh, kiểm tra các hợp tác xã. Tổ chức tiếp nhận nguồn kinh phí được giao và thực hiện có hiệu quả theo sự phân công tại Đề án này.

9. Nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức khác

Các Bộ, ngành khác và các tổ chức hội nghề nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ của mình, chủ động phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương và các cơ quan liên quan để thực hiện Đề án; vận động, tuyên truyền hộ nông dân tham gia hợp tác xã và hợp tác xã nông nghiệp tham gia liên hiệp hợp tác xã theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn và gắn kết chuỗi giá trị nông sản.

10. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Khẩn trương rà soát các Nghị quyết, Đề án, Kế hoạch đã được ban hành để điều chỉnh, bổ sung nội dung, giải pháp tổ chức thực hiện và bố trí nguồn lực hỗ trợ để phù hợp với Đề án này. Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện Đề án có hiệu quả trên địa bàn. Tập trung nâng cao năng lực và kiện toàn tổ chức bộ máy, tăng cường lực lượng cán bộ đủ mạnh để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quản lý nhà nước về hợp tác xã nông nghiệp và thực hiện Đề án này trên địa bàn. Tổ chức kiểm tra, nắm tình hình, tổ chức thực hiện Đề án của địa phương. Tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện Đề án với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ngân hàng NN & PTNT VN;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Liên Minh HTX Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTgCP, TGĐ công TTĐT các Vụ: PL, KTTH, NC, CN, QHĐP;
- Lưu: Văn thư, NN (2b). Thịnh. 205



Vương Đình Huệ